

Luật tục, thiết chế cộng đồng và bảo vệ rừng thiêng của người Pu Péo: Một mô hình sinh thái - văn hóa đặc trưng vùng biên

Vũ Thị Hà^(*)

Tóm tắt: Bài viết tập trung khảo sát và phân tích trường hợp người Pu Péo, một dân tộc rất ít người ở xã Phó Là, huyện Đông Văn, tỉnh Hà Giang cũ, nay là xã Đông Văn, tỉnh Tuyên Quang, trong thực hành bảo vệ rừng thiêng thông qua hệ thống luật tục và thiết chế cộng đồng. Rừng thiêng của người Pu Péo, nơi trú ngụ của thần rừng và linh hồn tổ tiên, được bảo vệ nghiêm ngặt bởi các quy ước truyền thống, được duy trì bởi các thiết chế như trưởng làng (Pên mô) và thầy cúng (Piềng hộ nụt). Lễ cúng rừng tổ chức hằng năm không chỉ mang tính nghi lễ mà còn tái lập trật tự cộng đồng, góp phần bảo tồn sinh thái bền vững. Mô hình quản trị rừng dựa vào tín ngưỡng - luật tục của người Pu Péo là minh chứng sinh động cho khả năng quản trị tài nguyên từ bên trong cộng đồng.

Từ khóa: Luật tục, Rừng thiêng, Vùng biên, Người Pu Péo, Đông Văn

Abstract: This article explores the practices of sacred forest protection among the Pu Peo ethnic minority group with an extremely small population residing in Pho La commune, Dong Van commune, Tuyen Quang province (formerly Dong Van district, Ha Giang province). The study focuses on the Pu Peo's forest preservation mechanisms through customary laws and communal institutions. The sacred forests of the Pu Peo people, regarded as the sacred abode of the forest deity and ancestral spirits, are strictly protected by traditional conventions, and maintained by local authorities, including the village head and the shaman. The annual forest worship ceremony functions not only as a religious ritual but also a mechanism to reinforce community order and promote sustainable ecological conservation. This forest management model, based on their beliefs and customary laws, is a vivid example of their ability to manage resources from within the community.

Keywords: Customary Law, Sacred Forest, Borderland, Pu Peo Ethnic Group, Dong Van Commune

Ngày nhận bài: 18/12/2025; Ngày duyệt đăng: 28/01/2026

1. Mở đầu

Vùng biên giới đất liền của Việt Nam không chỉ là không gian địa chính trị trọng

yếu mà còn là nơi cư trú của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số (DTTS) với đời sống văn hóa, tín ngưỡng phong phú và đa dạng. Trong đó, các dân tộc rất ít người như Pu Péo ở xã Đông Văn ngày nay, dù quy mô dân số nhỏ, lại thể hiện một cấu trúc văn

^(*) TS., Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: vuhavme25@gmail.com

hóa đặc thù gắn bó chặt chẽ với môi trường sống, đặc biệt là rừng thiêng.

Người Pu Péo đã được quan tâm nghiên cứu từ khá sớm, tập trung vào các nội dung: (1) lịch sử tộc người, ngôn ngữ và các đặc trưng văn hóa truyền thống (Nông Trung, 1968; Nguyễn Văn Huy, 1973; Hoàng Văn Ma & Vũ Bá Hùng, 1992); (2) dân ca, truyện cổ, đời sống văn hóa và tổ chức xã hội (Lê Trung Vũ, 1988, 1993; Dương Thu Hằng, Nguyễn Thu Trang, 2000; Trần Văn Ái và cộng sự, 2006; Lê Duy Đại, Triệu Đức Thanh, 2008); (3) tín ngưỡng, nghi lễ, gia đình, ngôn ngữ và biến đổi văn hóa trong bối cảnh đương đại (Lê Hải Đăng và cộng sự, 2016; Lê Hải Đăng, 2022; Nguyễn Thu Quỳnh, Lý Thị Diên, 2020; Nguyễn Thị Tám, 2021; Nguyễn Thị Tám, Bùi Thị Bích Lan, Nguyễn Thị Hồng, 2019; Cù Hương, Sỹ Hào, 2023). Đặc biệt, các công trình của Nguyễn Hồng Hải, Vũ Diệu Trung (2018, 2025) đã đề cập đến rừng thiêng và nghi lễ cúng rừng, song các tác giả tiếp cận vấn đề như một thành tố văn hóa, tín ngưỡng riêng lẻ, chưa phân tích chúng như một hệ thống vận hành nội sinh gắn kết luật tục, thiết chế cộng đồng và thực hành bảo vệ tài nguyên.

Rừng thiêng không chỉ là nguồn tài nguyên tự nhiên mà còn là không gian thiêng liêng, nơi trú ngụ của linh hồn tổ tiên và thần linh bảo hộ cộng đồng. Những quy ước cộng đồng (luật tục), thiết chế tự quản truyền thống như trưởng làng, thầy cúng và các lễ nghi cộng đồng gắn với rừng thiêng đã hình thành một mô hình sinh thái - văn hóa bền vững và hiệu quả. Trong bối cảnh hiện đại hóa, mở cửa kinh tế và biến đổi khí hậu, mô hình này đứng trước nhiều thách thức nhưng cũng mở ra những tiềm năng để được công nhận, bảo vệ và phát huy như một hình mẫu bản địa quý giá cho quản lý tài nguyên và ổn định xã hội vùng biên.

Bài viết sử dụng phương pháp nhân học văn hóa, kết hợp giữa điều tra điền dã dân tộc học, phỏng vấn sâu (PVS), quan sát tham dự và phân tích tư liệu thứ cấp. Dữ liệu được thu thập trong các đợt khảo sát thực địa tại xã Phó Là, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang cũ (nay là xã Đồng Văn, tỉnh Tuyên Quang) giai đoạn 2023-2024 và năm 2025, tập trung vào thôn Chúng Trái - khu vực được coi là “lõi văn hóa” của người Pu Péo. Chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn 18 người cung cấp thông tin chính, gồm trưởng làng, thầy cúng, người cao tuổi và các hộ gia đình trực tiếp tham gia lễ cúng rừng; đồng thời tham dự lễ cúng thần rừng (*Tẻ rừng*) và các sinh hoạt cộng đồng liên quan. Các tư liệu định tính nhằm nhận diện và phân tích luật tục, thiết chế cộng đồng và tín ngưỡng gắn với rừng thiêng của họ. Qua đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị chính sách phù hợp trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - sinh thái vùng biên giới hiện nay.

Trong bài viết này, “mô hình sinh thái - văn hóa” được sử dụng để chỉ một hình thức quản trị tài nguyên nội sinh, trong đó rừng thiêng được bảo vệ thông qua tín ngưỡng, luật tục và thiết chế cộng đồng. Trường hợp người Pu Péo cho thấy sự đan xen chặt chẽ giữa văn hóa, xã hội và sinh thái trong thực hành bảo vệ rừng.

2. Người Pu Péo và vùng cư trú biên giới *Người Pu Péo*

Người Pu Péo là một trong 5 dân tộc rất ít người ở Việt Nam (dưới 1.000 người), chủ yếu cư trú tại các huyện Đồng Văn, Yên Minh và Bắc Mê của tỉnh Hà Giang cũ. Trong lịch sử, họ có nhiều tên gọi như Ka Beo, Han Beo, Hà Beo, La Quả, Cờ Bèo... (Theo: Nguyễn Văn Huy, 1973: 65). Tên gọi phổ biến và chính thức hiện nay là Pu Péo, được xác lập trong Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ban hành theo Quyết

định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục Thống kê, kèm theo tên gọi khác là Ka Bèo và Pen Ti Lô Lô.

Theo một số nhà nghiên cứu người Pháp đầu thế kỷ XX và học giả Việt Nam như Nông Trung (1968), Hoàng Văn Ma và Vũ Bá Hùng (1992), người Pu Páo tự gọi mình là Ka Beo hoặc Qa Bèo, tuy nhiên ý nghĩa của tộc danh này vẫn còn tranh luận. Một số nghiên cứu cho thấy từ “Pu” hay “Cờ” đều có nghĩa là “người”, còn “Páo” hay “Bèo” là tên dân tộc (Nông Trung, 1968: 33). Trong tiếng Pu Páo, từ “Ka” là tiền tố phổ biến chỉ bộ phận cơ thể hoặc tính chất, như “Ka chiung” (cái chân), “Ka nhì” (màu vàng) (Viện Dân tộc học, 1978: 249).

Nguồn gốc dân tộc Pu Páo vẫn còn những giả thuyết khác nhau. Tư liệu cổ nhất nhắc đến dân tộc này có thể là tác phẩm *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn ở thế kỷ XVIII, với tên gọi “La Quả” (Viện Sử học, 2007: 389-392). Tuy nhiên, các miêu tả về trang phục và đời sống có sự khác biệt so với thực tế hiện nay. Một số tư liệu khác như bia đá tại xã Đồng Văn cho thấy người Pu Páo có thể có gốc từ vùng Phỏ Mặc, phủ Quảng Nam, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc và di cư sang Việt Nam khoảng 300 năm trước (Lê Duy Đại, Triệu Đức Thanh, 2004: 250-252). Hiện nay, người Pu Páo vẫn cư trú tại cả Việt Nam và Trung Quốc, trong đó, cộng đồng người Pu Páo ở Việt Nam có mối quan hệ thân tộc với người Pu Páo ở châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

Phổ Là - Không gian cư trú và sinh tồn đặc thù của người Pu Páo

Theo số liệu điều tra dân số các năm 1999, 2009 và 2019, dân số người Pu Páo ở Việt Nam lần lượt là 705 người (Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Trung ương, 2000: 72), 687 người (Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Trung ương, 2010: 135) và 903 người (Tổng cục

Thống kê, 2020: 10), trong đó riêng tại tỉnh Hà Giang năm 2019 là 771 người (chiếm 85,38%) (Tổng cục Thống kê, 2020: 64). Người Pu Páo sinh sống chủ yếu tại các xã Phổ Là, Phổ Bằng và Phổ Cáo thuộc huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang cũ, là vùng núi đá vôi hiểm trở, độ cao trung bình 1.000-1.600 m trên mực nước biển, khí hậu khắc nghiệt, giao thông khó khăn, tài nguyên đất đai hạn chế.

Phổ Là là một trong những xã biên giới nằm ở phía Tây Nam của Đồng Văn, phía Bắc giáp với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Theo số liệu của UBND xã Phổ Là vào tháng 01/2025, toàn xã có 565 hộ với 2.976 nhân khẩu; trong đó, người Pu Páo tập trung chủ yếu ở thôn Chúng Trãi cũ với 36/45 hộ, được cộng đồng và chính quyền địa phương coi là “lõi văn hóa” của tộc người.

Trước sáp nhập, toàn xã Phổ Là có diện tích tự nhiên là 1.370,78 ha, trong đó có 235,5 ha rừng phòng hộ, là nơi có rừng thiêng của người Pu Páo. Đây là không gian gắn liền với các thiết chế tín ngưỡng và sinh thái bản địa, đặc biệt là lễ cúng rừng, luật tục và hệ thống quản trị truyền thống. Với đặc điểm địa lý, sinh kế tự cung tự cấp và kết cấu xã hội khép kín, người Pu Páo ở Phổ Là duy trì nhiều giá trị văn hóa đặc trưng, trong đó tín ngưỡng về rừng thiêng giữ vai trò trung tâm.

3. Thiết chế cộng đồng và luật tục người Pu Páo

Trưởng làng, trưởng họ

Do đặc thù người Pu Páo cư trú theo dòng họ nên tổ chức làng, bản của họ có tính tự quản cao. Đứng đầu mỗi làng, bản là trưởng làng (*Pên mô*), đồng thời cũng là trưởng họ. Vị trí này được tiếp nối theo huyết thống và có uy tín cao trong cộng đồng. Họ cùng lúc gánh vác hai vai trò: vừa thay mặt cộng đồng làng, bản và dòng họ

điều hành các công việc chung và giải quyết mâu thuẫn giữa các gia đình, vừa điều hành nghi lễ cúng rừng hằng năm hay giải quyết tranh chấp, điều hòa quan hệ sản xuất. Sự kết hợp giữa quyền lực tinh thần và tổ chức khiến thiết chế này có hiệu lực mạnh mẽ, duy trì được trật tự cộng đồng ngay cả khi không có chính quyền can thiệp.

Trưởng làng là dòng trưởng và được lưu truyền theo hình thức cha truyền con nối. Trong trường hợp trưởng họ chết mà không có con trai nối dõi thì người em trai sẽ thay thế làm trưởng họ. Trong thực tế, trưởng làng cũng là chủ thể giám sát việc tuân thủ các quy ước liên quan đến rừng thiêng. Khi phát hiện hoặc được báo tin về các hành vi vi phạm (như: chặt cây, săn bắn, xâm phạm rừng thiêng), trưởng làng là người đứng ra xác minh, triệu tập dòng họ hoặc họp làng để xem xét vụ việc. Quyền lực của trưởng làng không dựa trên chế tài cưỡng bức, mà dựa trên uy tín cá nhân, danh dự dòng họ và sự thừa nhận rộng rãi của cộng đồng.

Thầy cúng

Người Pu Péo tin rằng chỉ thầy cúng (*Piêng hộ nưt*) mới có khả năng giao tiếp với tổ tiên và thần linh. Thầy cúng thường được chọn lựa từ những người có tư chất, được cộng đồng tín nhiệm và phải trải qua quá trình học tập lâu dài với thầy truyền dạy. Thầy cúng thực hiện các nghi lễ quan trọng như: cúng tổ tiên, cúng rừng, ma chay, cưới hỏi... Họ cũng là người nắm giữ tri thức về lịch canh tác, luật tục, phong thủy. Thầy cúng có vai trò là trụ cột tinh thần trong việc duy trì bản sắc văn hóa tộc người.

Trong cơ chế thực thi luật tục, thầy cúng giữ vai trò trong việc xác định mức độ “xúc phạm thần rừng” của các hành vi vi phạm. Khi xảy ra vi phạm liên quan đến rừng thiêng, thầy cúng thường được mời tham gia cùng trưởng làng để quyết định

hình thức tạ lỗi với thần linh và tổ tiên. Chính quyền lực tinh thần của thầy cúng khiến các biện pháp xử lý mang tính nghi lễ có hiệu lực rắn đẽ mạnh mẽ, dù không gắn với chế tài vật chất.

Luật tục và quy ước cộng đồng

Người Pu Péo có một hệ thống quy ước chặt chẽ nhằm điều chỉnh quan hệ, hành vi của các thành viên trong cộng đồng với mục đích duy trì sự thống nhất và ổn định (Nguyễn Hồng Hải, Vũ Diệu Trung, 2025: 28). Theo đó, không cho phép ai trong làng bản được săn bắn, bẻ măng, phát nương làm rẫy ở khu vực rừng thiêng này. Nếu có người vi phạm, dấu hiệu chỉ báo thường là người thân, người trong bản bị ốm đau hoặc gặp tai họa. Sau khi thầy cúng xác định do vi phạm rừng thiêng thì người vi phạm phải có trách nhiệm chuẩn bị một mâm lễ gồm lợn, gà, rượu để cúng thần rừng ở đúng nơi họ đã vi phạm. Những quy ước đó mặc dù chưa được văn bản hóa nhưng có sức sống bền lâu trong cộng đồng thông qua truyền khẩu từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Kết quả điều tra thực địa cho thấy, luật tục của người Pu Péo không tồn tại như một hệ quy tắc trừu tượng tách rời đời sống, mà được thực hành thường xuyên thông qua các nghi lễ cộng đồng và uy tín cá nhân của trưởng làng, thầy cúng. Trong các cuộc phỏng vấn, nhiều người cao tuổi nhấn mạnh rằng, việc tuân thủ luật tục không xuất phát từ nỗi sợ bị phạt về vật chất, mà chủ yếu từ nỗi lo “làm phật ý thần rừng và tổ tiên”, dẫn đến những hệ quả bất lợi cho gia đình và dòng họ. Chính vì vậy, trong nhiều năm qua, tại thôn Chúng Trãi không ghi nhận trường hợp nào vi phạm rừng thiêng. Điều này cho thấy, cơ chế vận hành của luật tục Pu Péo dựa trên sự tiếp nhận và tuân theo một cách tự nguyện của các thành viên cộng đồng. Nó được nuôi dưỡng qua niềm tin tâm linh, ký ức cộng

đồng và các mối ràng buộc họ hàng, trong đó niềm tin tâm linh đóng vai trò như một thiết chế kiểm soát xã hội hiệu quả hơn cả các chế tài hành chính.

4. Rừng thiêng và tín ngưỡng thần rừng của người Pu Péo

Rừng thiêng - Không gian sinh thái và tâm linh

Trong mỗi làng của người Pu Péo đều có khu rừng thiêng để thờ thần rừng (*Té san*). Đây cũng là không gian thiêng của bản làng. Ở đó, người dân thực hiện các nghi lễ mang tính chất cộng đồng. Họ tin rằng tổ tiên sau ba đời sẽ không còn ở bàn thờ nữa mà “nhập rừng” và trở thành thần linh. Rừng thiêng vì vậy vừa là không gian sinh thái, vừa là nơi trú ngụ của tổ tiên và thần rừng. Rừng được giữ gìn, không ai được tự ý khai thác. Đây chính là một mô hình quản trị sinh thái dựa vào cộng đồng - hình thức bảo tồn rừng dựa trên tín ngưỡng.

Cây thiêng trong rừng thường là cây cổ thụ, nơi cộng đồng tin rằng có linh hồn trú ngụ. Việc lựa chọn không gian rừng cấm thường dựa trên địa hình phong thủy, nơi giao hòa giữa âm - dương, giữa các nguồn nước, gió và núi. Đây là tri thức sinh thái bản địa thể hiện rõ sự tích hợp giữa thiên nhiên và văn hóa, giữa thực tiễn sinh tồn và biểu tượng thiêng liêng.

Tương tự, cộng đồng người Pu Péo ở thôn Củng Chá có những quy định ở khu rừng thiêng như sau:

(1) Không được săn bắn tại khu rừng cấm, nếu có tình vi phạm sẽ bị xử phạt nặng;

(2) Cấm chăn thả gia súc trong rừng cấm, nếu vi phạm sẽ bị làng bắt gia súc và phạt người chủ;

(3) Không được phóng uế trong rừng cấm;

(4) Phụ nữ có thai hoặc trong thời gian có kinh nguyệt, không vào rừng cấm;

(5) Các thành viên gia đình đang có tang không được vào rừng cấm;

(6) Không được chặt phá cây cối trong rừng cấm (Nguyễn Hồng Hải, Vũ Diệu Trung, 2025: 23).

Cho đến nay, các quy định này vẫn được thực hiện nghiêm ngặt. Do vậy, tại khu vực sinh sống của người Pu Péo ở khu vực Phó Là, diện tích rừng nguyên sinh còn tương đối nhiều. Đặc biệt, ở khu vực đầu nguồn, diện tích rừng được bảo vệ rất tốt (Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phó Là, 2021: 5) bởi gắn liền với Lễ cúng thần rừng của người Pu Péo.

Lễ cúng thần rừng - Sự thiết lập trật tự cộng đồng và gìn giữ mạch sống văn hóa

Trong tín ngưỡng dân gian của người Pu Péo, mỗi vùng tự nhiên đều có linh hồn trú ngụ: đất có thần đất, rừng có thần rừng. Trong đó, thần rừng được xem là vị thần tối cao, cư ngụ cùng tổ tiên tại rừng cấm - một không gian thiêng liêng, không ai được xâm phạm. Với quan niệm đó, rừng cấm là “ngôi nhà thiêng” bảo hộ cho cả làng, bản; đồng thời trở thành tài sản sinh thái của họ.

Hàng năm, vào ngày 6 tháng Sáu Âm lịch, cộng đồng Pu Péo tổ chức lễ cúng thần rừng tại bìa rừng phía sau làng. Đây là một nghi lễ cộng đồng quan trọng nhất trong năm, nhằm tri ân thần rừng và tổ tiên đã phù hộ cho dân làng (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Giang, 2012). Cũng trong nghi lễ này, họ cầu mong mùa màng tươi tốt, con người khỏe mạnh, làng bản yên ổn.

Nơi hành lễ được dựng bằng thân cây trúc đứng tươi, do thanh niên làng chọn và dựng từ sáng sớm - một hành động biểu trưng cho truyền thống thế hệ. Trước ngày lễ, toàn thể dân làng họp bản, phân công công việc và đóng góp để sắm lễ vật gồm:

hai con gà, một con dê, rượu, cơm xôi, hương, giấy tiền, giấy vàng...

Họ phải cúng ba lượt: Lượt thứ nhất gọi là cúng sống - để nguyên dê sống, gà sống; lượt thứ hai là sau khi cắt tiết, rửa sạch chân, mồm con vật hiến; và lượt thứ ba là cúng chín - sau khi nấu chín đồ cúng. Trong phần cúng sống, thầy cúng khấn mời các thần rừng, thần núi, thần đất, thần nước và tổ tiên về chứng giám. Từng lễ vật được trình lên đàn cúng một cách trang trọng. Bên cạnh thầy cúng luôn có đại diện cộng đồng đứng nghiêm trang và tỏ lòng kính trọng đối với các vị thần của rừng thiêng. Sau phần lễ, thầy cúng và đại diện dân làng lên khu rừng thiêng (nơi có cây tổ cổ thụ) để dâng hương và báo cáo kết thúc lễ.

Lễ cúng kết thúc bằng bữa ăn tập thể tại chỗ. Đây là dịp để gắn kết cộng đồng, chia sẻ niềm tin và nhắc nhở con cháu về trách nhiệm bảo vệ rừng thiêng và ghi nhớ nguồn cội. Với những gia đình vắng mặt, phần lễ vật được chia và gửi về cho gia chủ.

Qua quan sát thực địa và trao đổi với cộng đồng, tác giả nhận thấy rằng, rừng thiêng của người Pu Péo không chỉ được bảo vệ bằng các điều cấm, mà còn được cộng đồng cùng nhau bảo vệ qua các nghi lễ tập thể. Lễ cúng thần rừng hằng năm đóng vai trò như một cơ chế để nhắc nhở tập thể, trong đó, luật tục được tiếp tục khẳng định, truyền dạy và hợp thức hóa trước toàn cộng đồng. Đây là điểm khác biệt quan trọng so với nhiều mô hình bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng khác, nơi luật tục tồn tại chủ yếu dưới dạng quy ước hành chính.

Như vậy, lễ cúng thần rừng không chỉ là nghi lễ tâm linh, mà còn là cơ chế xã hội nhằm tiếp tục thiết lập và duy trì trật tự cộng đồng; làm sống dậy mối liên kết dòng họ, thế hệ và thiên nhiên. Nghi lễ đã giúp gìn giữ hệ thống luật tục và truyền thống

bảo vệ rừng của người Pu Péo qua nhiều thế hệ.

5. Hiệu quả của mô hình sinh thái - văn hóa bản địa người Pu Péo thông qua tín ngưỡng thần rừng và một số vấn đề đặt ra

Hiệu quả của mô hình sinh thái - văn hóa bản địa người Pu Péo thông qua tín ngưỡng thần rừng

Mô hình bảo vệ rừng thiêng của người Pu Péo cho thấy sự kết hợp hiệu quả giữa ba yếu tố: tín ngưỡng bản địa (thần rừng, tổ tiên), thiết chế cộng đồng (trưởng làng, thầy cúng) và luật tục. Không gian rừng thiêng trở thành vùng đệm sinh thái - nơi không bị khai thác, có chức năng bảo tồn nước ngầm, đa dạng sinh học và chống xói mòn đất. Đây là mô hình quản trị rừng phi chính thống nhưng mang lại hiệu quả sinh thái cao.

Một trưởng làng tại Phố Là cho biết: “Rừng cấm là của tổ tiên để lại, nếu mình phá thì con cháu mình sẽ chịu” (PVS, nam, 72 tuổi). Phát biểu này phản ánh rõ cách người Pu Péo gắn trách nhiệm bảo vệ rừng với ý thức trách nhiệm giữa thế hệ ông bà, cha mẹ và thế hệ con cháu, thay vì lợi ích kinh tế ngắn hạn. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, chính mối liên kết giữa rừng thiêng - tổ tiên - dòng họ đã tạo nên sức bền của mô hình sinh thái - văn hóa này, ngay cả khi các thiết chế hành chính hiện đại ngày càng mở rộng.

Không giống như các biện pháp bảo vệ mang tính cưỡng chế từ phía Nhà nước, mô hình này có tính nội sinh xuất phát từ niềm tin và đặc thù văn hóa tộc người nên có khả năng duy trì lâu dài. Sự thiêng hóa không gian tự nhiên là một cơ chế xã hội giúp giới hạn sự can thiệp quá mức vào tài nguyên, đồng thời nâng cao trách nhiệm cá nhân thông qua ý thức cộng đồng và trật tự tâm linh.

Cách người Pu Péo đặt rừng thiêng ở trung tâm đời sống tâm linh và xã hội cho thấy sự gắn kết giữa văn hóa và sinh thái, giữa biểu tượng văn hóa và môi trường sống. Rừng thiêng vừa là nơi để thờ cúng, vừa là không gian giáo dục cộng đồng. Ở đó, tín ngưỡng bảo vệ rừng thiêng của người Pu Péo không chỉ là hành vi cá nhân mà mỗi nghi lễ đều có sự tham gia của cả cộng đồng, từ đóng góp để sắm lễ vật đến dự phần vào thực hành nghi lễ và hưởng lễ. Mô hình này mang lại ý thức sở hữu tập thể và tăng cường liên kết xã hội.

Một số vấn đề đặt ra

Trong bối cảnh biến đổi mạnh mẽ của đời sống vùng biên, mô hình bảo vệ rừng thiêng của người Pu Péo đang đối diện nhiều thách thức đan xen.

Trước hết, quá trình hành chính hóa quản lý tài nguyên rừng mặc dù đã góp phần thống nhất quản lý tài nguyên rừng nhưng ở một mức độ nhất định cũng làm thu hẹp không gian hoạt động và vai trò của các thiết chế truyền thống như trưởng làng, thầy cúng.

Thứ hai, áp lực sinh kế, tác động của kinh tế thị trường và giao lưu vùng biên làm gia tăng nhu cầu khai thác tài nguyên, tiềm ẩn nguy cơ xâm lấn rừng thiêng. Trong bối cảnh đó, luật tục không phải lúc nào cũng giữ được vị thế chi phối tuyệt đối, mà cần liên tục được tái khẳng định thông qua nghi lễ và sự đồng thuận của cộng đồng.

Thứ ba, tri thức sinh thái bản địa và nghi lễ truyền thống vốn được truyền dạy chủ yếu bằng hình thức truyền khẩu lại đang đứng trước nguy cơ mai một khi lớp người cao tuổi dần vắng bóng, trong khi thế hệ trẻ ít người kế tục.

Những thách thức trên cho thấy tín ngưỡng thần rừng, rừng thiêng và luật tục của người Pu Péo không thể được nhìn nhận đơn thuần như một thực hành văn

hóa, nghi lễ. Tín ngưỡng này cần được xem là một nguồn lực xã hội - sinh thái quan trọng trong quản trị vùng biên. Việc suy yếu các thiết chế truyền thống đồng nghĩa với sự đứt gãy cơ chế tự điều chỉnh cộng đồng, làm giảm hiệu quả thực hành bảo vệ rừng và gắn kết xã hội trong nội bộ tộc người.

Từ kết quả nghiên cứu này có thể thấy, các chính sách quản lý rừng vùng biên cần vượt ra ngoài cách tiếp cận hành chính thuần túy, để thừa nhận và lồng ghép các cơ chế đạo lý - tín ngưỡng và thiết chế bản địa như luật tục, vai trò trưởng làng và thầy cúng. Việc công nhận các giá trị văn hóa nội sinh không chỉ góp phần bảo tồn rừng, mà còn củng cố gắn kết cộng đồng và an ninh sinh thái vùng biên.

Như vậy, cần thúc đẩy cách tiếp cận tích hợp giữa quản lý nhà nước và quản trị cộng đồng, trong đó thừa nhận và lồng ghép vai trò của luật tục, tín ngưỡng rừng thiêng vào các chương trình bảo vệ rừng và phát triển sinh kế vùng biên. Cần coi cộng đồng Pu Péo là chủ thể trung tâm, có chính sách hỗ trợ truyền dạy tri thức sinh thái bản địa cho thế hệ trẻ người Pu Péo, khuyến khích sự tham gia của họ vào các nghi lễ và hoạt động bảo vệ rừng. Đây chính là nền tảng để phát huy giá trị văn hóa bản địa, tăng cường an ninh sinh thái và hướng tới phát triển bền vững vùng biên giới.

6. Kết luận

Tín ngưỡng thần rừng của người Pu Péo không chỉ là di sản văn hóa - tín ngưỡng, mà còn là một cơ chế quản trị cộng đồng hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ tài nguyên và giữ gìn ổn định xã hội vùng biên. Việc thiêng hóa không gian rừng thông qua hệ thống luật tục và nghi lễ, tiêu biểu là lễ cúng thần rừng, đã tạo nên một “vành đai sinh thái - văn hóa” tự thân - nơi mối quan hệ giữa con người,

tự nhiên, tổ tiên được điều chỉnh bằng các chuẩn mực cộng đồng mang tính bền vững.

Tín ngưỡng thần rừng của người Pu Péo vừa góp phần kiểm soát hành vi khai thác tài nguyên, vừa duy trì gắn kết cộng đồng và tái khẳng định bản sắc tộc người. Tín ngưỡng này cũng góp phần nhắc nhở thế hệ trẻ về trách nhiệm bảo vệ môi trường và tôn kính nguồn cội. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, mô hình sinh thái - văn hóa đặc trưng này cho thấy giá trị thực hành của luật tục và tín ngưỡng như một nguồn lực xã hội - sinh thái quan trọng, góp phần củng cố an ninh sinh thái, xã hội và văn hóa tại các khu vực biên giới của quốc gia □

Tài liệu tham khảo

- Trần Văn Ái, Hoàng Hoa Toàn, Nguyễn Cảnh Phương (2006), *Văn hóa người Pu Péo*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phố Là (2021), *Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Phố Là (1961-2020)*.
- Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Trung ương (2000), *Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 1999: Kết quả điều tra mẫu*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
- Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Trung ương (2010), *Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009: Kết quả toàn bộ*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
- Lê Duy Đại, Triệu Đức Thanh (chủ biên, 2004), *Các dân tộc ở Hà Giang*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- Lê Hải Đăng và cộng sự (2016), “Dân tộc Pu Péo”, trong Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2016), *Các dân tộc ở Việt Nam*, Tập 2. Nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Kàđai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Lê Hải Đăng (2022), “Văn hóa tộc người Pu Péo: Nhìn từ tâm thức về vũ trụ luận, hôn vĩa và nghi lễ sức khỏe”, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, số 4, tr. 23-29.
- Nguyễn Hồng Hải, Vũ Diệu Trung (Chủ biên, 2018), *Người Pu Péo ở huyện Đông Văn, tỉnh Hà Giang*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội.
- Nguyễn Hồng Hải, Vũ Diệu Trung (Chủ biên, 2025), *Người Pu Péo ở huyện Đông Văn, tỉnh Hà Giang*, tái bản có bổ sung, Nxb. Thông tấn, Hà Nội.
- Dương Thu Hằng và Nguyễn Thu Trang (2000), “Dân ca - Nơi lưu giữ giá trị văn hóa của người Pu Péo”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, số 225(07), tr. 610 - 615.
- Nguyễn Văn Huy (1973), “Góp thêm một số tài liệu về người Pu Péo”, *Thông báo Dân tộc học*, số 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Cù Hương, Sỹ Hào (2023), “Những vấn đề cấp bách của các dân tộc có khó khăn đặc thù: Khó gia tăng dân số tự nhiên ở dân tộc Pu Péo”, *Dân tộc và phát triển* ngày 25/11, <https://baodantoc.vn/nhung-van-de-cap-bach-cua-cac-dan-toc-co-kho-khan-dac-thu-kho-gia-tang-dan-so-tu-nhien-o-dan-toc-pu-peo-bai-4-1700796876738.htm>,
- Hoàng Văn Ma, Vũ Bá Hùng (1992), *Tiếng Pu Péo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Giang (2012), *Lý lịch di sản văn hóa phi vật thể Lễ cúng thần rừng của người Pu Péo*.
- Nguyễn Thị Tám (2021), “Nhà ở và trang phục truyền thống của dân tộc Pu Péo ở Hà Giang”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 6, tr. 36-45.

(xem tiếp trang 20)